

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2020/HS-PT**

Ngày: 13-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn

Ông Trần Nam Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 03 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965, nơi sinh: Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có chồng tên Phạm Văn H, sinh năm 1962; có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Bị hại: Bà **Phạm Thị T2**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Lưu Thị T3**, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Đ và bà Lê Thị V, bị hại bà Phạm Thị T2 đều cùng sinh sống tại địa chỉ: Tổ 7, Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Cuối tháng 10/2018, các hộ dân cùng sống trong Ấp X họp bàn và quyết định đóng góp tiền, ngày công lao động để làm đường bê tông trong khu vực. Trong quá trình thực hiện, Nguyễn Thị Đ có nhiệm vụ thu - chi tiền của các hộ dân để làm đường, nhưng bà T2 cho rằng Đ đã bớt xén tiền làm đường nên thường có nói những lời xúc phạm dẫn đến giữa Đ và bà T2 mâu thuẫn với nhau. Khoảng 10 giờ 40 phút, ngày 20/12/2018, khi bà T2 đi ngang nhà Đ, Đ đã chửi bà T2 vì cho rằng bà T2 đã xúc phạm, nói xấu Đ. Khi Đ và bà T2 cãi vã thì bà T2 có nhắc đến bà Lê Thị V và cho rằng V là người đã trộm cắp gà, vịt, cà phê của bà T2, bà V nghe được sự việc nên đi từ trong rẫy ra và xảy ra cự cãi với bà T2 rồi vật lộn với nhau giữa đường bê tông. Trong lúc bà T2 và bà V nằm vật nhau thì Đ chạy đến tuột quần dài của bà T2 và treo lên cây gần đó. Sau đó, bà T2 và bà V buông nhau ra và bà T2 lấy quần mặc vào tiếp tục chửi bà V và Đ rồi đến công an xã trình báo sự việc. Ngày 22/5/2019, bà T2 làm đơn tố cáo và yêu cầu khởi tố vụ án đối với hành vi làm nhục người khác. Cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Đ.

Về thiệt hại: Nguyễn Thị Đ đã tuột quần của bị hại và treo lên cây tại đường giao thông là khu vực công cộng, việc này đã xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 14/01/2020, của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã áp dụng khoản 1 Điều 155; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, và Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); xử

phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành bản án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho bà T2 số tiền 4.470.000 đồng, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/01/2020, bị hại Phạm Thị T2 kháng cáo đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Lê Thị V trong vụ án, tăng hình phạt và mức bồi thường. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Phạm Thị T2 giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Hành vi của Nguyễn Thị Đ đã phạm vào tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét xử bị cáo Nguyễn Thị Đ với mức án 01(một) năm cải tạo không giam giữ là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, không nhẹ như kháng cáo mà bị hại đã nêu. Mức bồi thường mà cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 4.470.000đ tương ứng với 03 tháng lương cơ sở là phù hợp với quy định pháp luật. Đối với kháng cáo bỏ lọt tội phạm đối với bà Lê Thị V của bị hại là không có cơ sở, vì căn cứ vào các lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng và biên bản đối chất, có đủ cơ sở khẳng định bà V không có sự bàn bạc với bị cáo Đ, không tham gia làm nhục bị hại mà chỉ có một mình bị cáo Đ thực hiện hành vi làm nhục bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị hại, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại:

[2.1] Về hình phạt:

Ngày 20/12/2018, tại Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, do có mâu thuẫn với bị hại, bị cáo Đ đã lợi dụng lúc bà Lê Thị V và bị hại đang vật lộn với

nhau. Bị cáo đã tuột quần của bị hại và treo lên cây gần đó. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự nhân phẩm của bị hại được pháp luật bảo vệ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn Thị Đ bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Làm nhục người khác” quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm danh dự nhân phẩm của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần được xử phạt để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Trong vụ án này cần xem xét có lỗi của người bị hại đã thường xuyên chơi bời, xúc phạm nhiều người, nhiều lần. Do đó, dẫn đến bị cáo bức xúc thiếu kiềm chế nên đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo 01 (một) năm cải tạo không giam giữ là phù hợp và thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật. Nên kháng cáo tăng nặng hình phạt của bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Lê Thị V:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ cũng thừa nhận hành vi của bị cáo là do bức xúc nhất thời không liên quan đến bà V, phù hợp với tài liệu trong hồ sơ. Trước khi xét xử, cấp sơ thẩm cũng đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra làm rõ có hay không hành vi đồng phạm của bà Lê Thị V trong vụ án. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản đối chất (Bút lục 78) ngày 24/12/2019 tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữa bà Nguyễn Thị Đ, bà Lê Thị V; Biên bản ghi lời khai (Bút lục 80) ngày 23/12/2019 của bà Lưu Thị T3 và tại Phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 103-106) ngày 14/01/2020, bị cáo Nguyễn Thị Đ và bà Lê Thị V đều xác định việc bị cáo Đ tụt quần bà T2 là ý chí chủ quan của bị cáo, giữa bị cáo và bà V không có sự bàn bạc với nhau trước đó. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định tư cách tổ tụng của bà V

là người làm chứng, không phải là đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Đ là có căn cứ. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị hại về vấn đề này.

[2.3] Về yêu cầu bồi thường:

Ngày 28/8/2019, bị hại có đơn yêu cầu bồi thường (bút lục 20) 03 tháng lương cơ sở tương đương 4.470.000 đ. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/01/2020 (bút lục 105), bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.470.000 đ và đã được bị cáo đồng ý bồi thường. Do đó, cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 592 Bộ luật dân sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Vì vậy kháng cáo tăng mức bồi thường của bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Người bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm thuộc trường hợp không phải nộp án phí và được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Áp dụng [khoản 1 Điều 155; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015](#) (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Bị cáo **Nguyễn Thị Đ** 01(một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Làm nhục người khác”.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã Phú Lập, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P trong việc giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án.

[3] Áp dụng điều 357, 584, 585, 590, 592 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 4.470.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người chơi được thi hành án dân sự, người chơi phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí:

Người bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm thuộc trường hợp không phải nộp án phí và được miễn án phí.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Tân Phú (2);
- VKSND H. Tân Phú;
- Công an H. Tân Phú;
- Chi cục THADS H. Tân Phú;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương